

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Tấn Trường

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Văn Khuyến

Ông Nguyễn Sỹ Luận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLST-HN&GD ngày 06/11/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1986;

- **Bị đơn:** Ông Vũ Văn K, sinh năm 1986,

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- **Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ:**

+ Cháu Vũ Duy L, sinh ngày 05/12/2008.

+ Cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 31/5/2011.

+ Cháu Vũ Khương D, sinh ngày 26/10/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn K tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 21/7/2008.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa, bà với ông K sống ly

thân từ tháng 02/2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Văn K.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông K có 03 con chung gồm cháu Vũ Duy L, sinh ngày 05/12/2008, cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 31/5/2011, cháu Vũ Khương D, sinh ngày 26/10/2021. Hiện cháu D đang sống chung với bà, còn cháu L, cháu Y đang sống chung với ông K. Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi cháu D, đồng ý giao cháu L, cháu Y cho ông K trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con bà tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Văn K trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C. Về con chung thống nhất giao con chung cháu Vũ Khương D, sinh ngày 26/10/2021 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Vũ Duy L, sinh ngày 05/12/2008, cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 31/5/2011 cho ông Vũ Văn K trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Vũ Văn K có nơi cư trú tại thôn B, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Vũ Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn

cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông K không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà C với ông K là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

[5] Theo bà C, hôn nhân giữa bà với ông K phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà C các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để bà C đoàn tụ tiếp tục chung sống với ông K. Tuy nhiên, bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với ông K, bà C và ông K cũng đã sống ly thân, bà C cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà C và ông K đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, bà C được ly hôn với ông Vũ Văn K.

[6] Về việc nuôi con chung: Bà C, ông K có 03 con chung gồm cháu Vũ Duy L, sinh ngày 05/12/2008, cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 31/5/2011, cháu Vũ Khương D, sinh ngày 26/10/2021. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Xét thấy, cháu D còn nhỏ, hiện đang sống chung với bà C và bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D; còn cháu L, cháu Y đang sống chung với ông K và có nguyện vọng được sống chung với ông K; bản thân bà C đồng ý giao cháu L, cháu Y cho ông K trực tiếp nuôi; quá trình giải quyết vụ án ông K không có ý kiến, yêu cầu đối với các vấn đề bà C khởi kiện. Do đó để đảm bảo môi trường ổn định giúp cháu L, cháu Y và cháu D phát triển tốt về tâm sinh lý, cần giao cháu D cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu L, cháu Y cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà C là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28; 35; 39 và điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các điều 51; 53; 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn với ông Vũ Văn K. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị C và ông Vũ Văn K chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung:

+ Giao con chung cháu Vũ Duy L, sinh ngày 05/12/2008, cháu Vũ Thị Hải Y, sinh ngày 31/5/2011 cho ông Vũ Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Giao con chung cháu Vũ Khương D, sinh ngày 26/10/2021 cho bà Nguyễn Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0011538 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Tấn Trường